

Bài 2
XÃ HỘI NGUYÊN THỦY
(1 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Như bài 1, mục I.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

HS cần nắm được một số vấn đề chính như :

- Thị tộc ;
- Quan hệ thị tộc.

2. Về phương pháp

Kết hợp bài giảng của GV với việc trình bày theo sơ đồ, biểu đồ để HS nắm được quá trình phát triển của xã hội loài người.

Thời gian	4 triệu năm trước	1 triệu năm trước	4 vạn năm trước	1 vạn năm trước	5000 năm trước	4000 năm trước	3000 tr
Sự tiến hoá của con người	Chuyển từ Vượn giống Người	Người đứng đi : Tối cổ	Tinh khôn – Hiện đại				
Sự phát triển công cụ	Lượm hòn đá tiện dùng	Ghè đá vừa tay : Đá cũ sơ kì	Đá cũ hậu kì : Ghè đẽo gọn, sắc	Đá mới : Ghè – mài sắc	Đồng đỏ	Đồng thau – Nông nghiệp	Sắt ngh cừ
Phương thức kinh tế		Lượm hái, săn dưới bắt thú	Cung tên, săn bắn, lều, hang	Trồng rau củ, chăn nuôi	Trồng lúa ven sông	Nông nghiệp – Thủ công	Giao trên l b
Tổ chức xã hội	Bầy Vượn giống Người	Bầy Người nguyên thủy	Thị tộc – xã hội nguyên thủy →	Bộ lạc →	Xã hội có giai cấp – Nhà nước	Nhà nước mở rộng	
				Làm gốm, đánh cá. Cách mạng đá mới			

(GV có thể vẽ biểu đồ trên bìa hay vẽ trước khung trên bảng, rồi gợi ý cho HS điền nội dung từng ô theo ti giảng bài 1, 2 và sơ kết. Không cần yêu cầu HS vẽ, viết vào vở để học, mục đích chủ yếu là để hiểu rõ, hiểu ch

II – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

- Tranh vẽ, in ; nên có băng video hay đĩa CD.
- Những tài liệu phục vụ bài học.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài học

Tuỳ theo sự sáng tạo của GV.

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Bài này gồm ba mục, có tính chất liên hoàn chặt chẽ với nhau và với cả bài 1.

Mục 1. Thị tộc và bộ lạc

Đề mục bài chỉ có ý nghĩa tương đối vì nếu như Người tối cổ đã là Người thì xã hội loài người phải bao gồm cả bầy người nguyên thủy và công xã nguyên thủy (với hình thức thị tộc – bộ lạc). Ở đây chỉ nói đến công xã nguyên thủy vì là tổ chức *thực chất, định hình* đầu tiên của loài người, mà bầy người nguyên thủy như một hình thức quá độ.

– Tổ chức hợp quần và sinh hoạt theo từng gia đình (chủ yếu là mẹ và 1 - 2 con) là bản chất của loài người (chứ không phải hỗn độn). Hình thành nhóm theo lứa tuổi, nam nữ, theo công việc.

– Hình thức tổ chức đầu tiên là *thị tộc*. Bộ lạc chỉ là một tổ chức lớn hơn, bao gồm một số thị tộc có họ với nhau.

– GV hướng dẫn HS hiểu ba khái niệm liên quan tới quan hệ xã hội của công xã nguyên thủy : hợp tác lao động, hưởng thụ bằng nhau, quan hệ hợp quần cộng đồng.

Chuẩn bị phương tiện (tiếp theo) :

– Nên chuẩn bị băng video hay một đĩa CD về *người Nê-an-đéc-tan*, được phát trên kênh *Khám phá* ngày 26 và 28-3-2003, VTV2 thu lại ;

– Nên chuẩn bị một đĩa CD về *Người tinh khôn*, được phát trên kênh *Khám phá* ngày 26 và 28-4-2003, VTV2 thu lại ; cho HS xem kết hợp trong bài giảng, khoảng 15 phút (trích) chạy trên đầu video dẫn lên TV cho cả lớp. Kết hợp với tranh tự vẽ, sách ảnh (sưu tầm) và hiện vật phục chế.

Đây là ba khái niệm trừu tượng nên GV cần giới thiệu, giải thích, phân tích và đưa một số ví dụ minh họa (có chọn lọc) để HS dễ hiểu.

Chẳng hạn, người ta tổ chức đi săn tập thể như thế nào ? Vì sao phải như thế ? Vì sao phải vào rừng hái lượm theo tập đoàn ?

Chẳng hạn, vì sao phải được hưởng thụ bằng nhau và như thế nào ? Có thể kể một bữa ăn sau khi đi săn thú về : thịt thú nướng cùng với rau, củ, kiem được đem chia thành những khẩu phần đều nhau cho mỗi người (vì mọi người cùng làm bằng nhau, mọi người đều "như nhau") ; hoặc để trên tàu lá rộng, từng người bốc ăn từ tốn.

Việc chia khẩu phần của thị tộc Ta-sa-day ở Phi-líp-pin, được phát hiện rất gần đây, cũng cho thấy như vậy. Không thể ăn "tự do thoải mái" vì không có nhiều. GV có thể kể một ví dụ tiêu biểu : Một nhà dân tộc học đến Đất Lửa (Nam Mĩ), sống một thời gian với thổ dân. Khi chia tay, ông tặng thổ dân một mảnh vải. Mọi người xúm lại chuyển tay nhau xem, tấm tắc khen lạ và đẹp, rồi họ cất chia nhau mỗi người một miếng nhỏ "để làm kỉ niệm", vì họ không hề có ý nghĩ là một người nào đó có quyền giữ riêng cho mình tất cả mảnh vải để may áo.

Sau này khi đã có chế độ tư hữu, con người có thể sống riêng lẻ và ích kỉ trong thiếu thốn, vấn đề ở thời ấy là người ta sống bằng nhau và cùng nhau. Đó chính là sự cộng đồng của công xã nguyên thủy.

GV có thể giải thích thêm : Trong điều kiện như thế, chưa thể có tư hữu và sự bóc lột, chưa có giai cấp và đấu tranh giai cấp, chưa có bất công xã hội. Làm sao để tạo *biểu tượng cho HS về một thời đại đại đồng nhưng mông muội và loài người vẫn có ước mơ chính đáng xây dựng một thời đại đại đồng trong văn minh.*

Mục 2. Buổi đầu của thời đại kim khí

Nên giảng gọn hai ý :

- Sự phát minh công cụ kim khí ; đồng thau và sự hạn chế của đồng thau ; sắt và khả năng của sắt ; có thể gợi ý về ba mốc thời gian (5500 năm, 4000 năm và 3000 cách ngày nay). Vì sao cách xa nhau như thế ? (Vì muốn có một phát minh mới về kĩ thuật vào thời đó không phải là dễ).

Cuối thời đá mới, khoảng hơn 5000 năm trước đây, người ta biết và sử dụng rất hạn chế đồng, đồng đỏ/đồng nguyên chất (Cu) vì đồng hiếm, rất mềm, chỉ có thể làm khuyên tai hay nhẫn (nhưng lại rất ít làm), nóng chảy ở nhiệt độ 1084,5°C. Đến hơn 4000 năm trước đây, tức là sau hơn 1000 năm, người ta biết chế đồng thau hay đồng thanh (bronze) cứng hơn nhiều, pha với thiếc (12%), nóng chảy ở 850°C, tức là tốt hơn, tốn ít hơn (pha với thiếc hay chì) và dễ làm hơn (ít hơn 200°C) ; muốn đạt 1000°C phải là kì công.

Sắt (Fe) rất sẵn có, sử dụng làm công cụ, vũ khí rất tốt nhưng cũng rất khó làm, nóng chảy ở nhiệt độ 1535°C , nên đến khoảng 3000 năm trước đây, người ta mới biết luyện sắt, dù là rèn nguội, cũng không dễ dàng. Con người không ngừng vươn lên tìm kiếm, phát minh, nhưng rất gian khổ, chậm chạp, lâu dài.

Có thể cho HS phân biệt khái niệm *trước đây* (năm 2000 ngược về trước) và trước Công nguyên.

– Hệ quả kinh tế của các phát minh nói trên : sản phẩm thừa thường xuyên. Giải thích từ thường xuyên : sự dư thừa trên mức tối thiểu của thời đó là hiệu quả lao động của toàn xã hội, chứ không phải của một vài người, một vài lúc.

Mục 3. Sự xuất hiện tư hữu và xã hội có giai cấp

Trình bày hệ quả xã hội của công cụ bằng kim loại, GV hướng dẫn HS nắm các ý cơ bản :

- Sự xuất hiện tư hữu ;
- Gia đình phụ hệ thay thế cho thị tộc ;
- Xã hội phân chia thành giai cấp.

GV có thể giải thích mở rộng :

– "Bước đi" của sự xuất hiện tư hữu : phải có *của thừa* và có "cơ hội" cho một số người dùng thủ đoạn *chiếm làm của riêng*.

– Trước kia, thị tộc là đơn vị kinh tế (làm chung, hưởng đều nhau) mặc dù từng gia đình vẫn có thể có cuộc sống riêng, trong một góc nhà chung (chăm sóc con cái chẳng hạn). Giờ đây, gia đình là đơn vị kinh tế, người đàn ông (người cha) là chủ gia đình và cũng là chủ tài sản gia đình.

– Sự tích lũy của tư hữu đến một mức nào đó, sinh ra những người giàu tách khỏi những người bình thường khác (trong đó có một số người nghèo hơn). Không phải ai cũng trở thành giàu có. Đó là những người có cơ hội chiếm đoạt một phần sản phẩm xã hội làm của riêng (những người có chức phận). Về sau, họ trở thành giai cấp cầm quyền (*giai cấp thống trị*) trong xã hội có giai cấp.

Đó cũng là những biểu hiện *sự rạn vỡ* của xã hội nguyên thủy, nó sẽ bị xã hội có giai cấp thay thế về mặt lịch sử.

Khi giảng bài này, chúng ta nên vận dụng một cách linh hoạt các phương pháp và thủ pháp khác nhau, trong đó nên chú ý :

- Kết hợp giải thích với miêu tả những chi tiết cần thiết.
- Hướng dẫn HS nắm được những ý trong SGK.

– Nguồn gốc của chế độ tư hữu : vật liệu mới (kim khí), công cụ mới (cày, cuốc bằng đồng thau rồi sắt) và kinh nghiệm sản xuất, làm gia tăng sản phẩm.

– Tư hữu dẫn đến phá vỡ chế độ "đại đồng", nhưng là bước tiến rất cần thiết, là sự tiến bộ.

– Không nên hiểu và nói đơn giản : gia đình phụ hệ thay thế gia đình mẫu hệ. Gia đình mẫu hệ gần như là cả thị tộc, trong đó gia đình nhỏ chưa bền vững.

– Gia đình nhỏ phụ hệ gắn với tư hữu, với sự phân hoá xã hội dẫn tới sự tan rã của công xã nguyên thủy, của thị tộc, *nhường chỗ* cho (hoặc thay thế *bằng*) gia đình phụ hệ và xã hội giàu – nghèo.

3. Sơ kết bài

– GV nhấn mạnh những thay đổi theo xu thế phát triển của xã hội nguyên thủy, từ sự hình thành thị tộc và bộ lạc đến khi xuất hiện tư hữu và xã hội có giai cấp.

– Bài tập về nhà, GV yêu cầu HS học kĩ bài để nắm được những khái niệm mới và khó ; đọc trước *Bài 3* – "Các quốc gia cổ đại Phương Đông".

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Như bài 1.